

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần
Thông tin về Tổng công ty

Giấy phép thành lập Quyết định số 105/2004/QĐ-BCN do Bộ Công Thương ban hành ngày 5 tháng 10 năm 2004.

Giấy Chứng Nhận	0103006688, cấp lần đầu	ngày 15 tháng 12 năm 2004
Đăng ký Kinh doanh số	0103006688, điều chỉnh lần thứ nhất	ngày 24 tháng 8 năm 2006
	0103006688, điều chỉnh lần thứ hai	ngày 15 tháng 12 năm 2006
	0103006688, điều chỉnh lần thứ ba	ngày 24 tháng 12 năm 2007
	0100101308, điều chỉnh lần thứ tư	ngày 26 tháng 3 năm 2010
	0100101308, điều chỉnh lần thứ năm	ngày 29 tháng 3 năm 2011
	0100101308, điều chỉnh lần thứ sáu	ngày 10 tháng 5 năm 2011
	0100101308, điều chỉnh lần thứ bảy	ngày 28 tháng 5 năm 2012
	0100101308, điều chỉnh lần thứ tám	ngày 1 tháng 10 năm 2012

Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh và các lần điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị	Phạm Duy Hạnh	Chủ tịch (từ ngày 17 tháng 11 năm 2012)
	Vũ Đức Giang	Chủ tịch (đến ngày 17 tháng 11 năm 2012)
	Vũ Đức Giang	Thành viên (từ ngày 17 tháng 11 năm 2012)
	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Thành viên
	Nguyễn Thiên Lý	Thành viên
	Hoàng Minh Khang	Thành viên (đến ngày 20 tháng 8 năm 2012)
	Thân Đức Việt	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Tổng Giám đốc
	Nguyễn Thiên Lý	Phó Tổng Giám đốc
	Hoàng Minh Khang	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 29 tháng 6 năm 2012)
	Thân Đức Việt	Giám đốc điều hành
	Trần Thị Lĩnh	Giám đốc điều hành
	Trần Trọng Kim	Giám đốc điều hành

Trụ sở đăng ký Số 765, Đường Nguyễn Văn Linh
Phường Sài Đồng
Quận Long Biên
Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 4 đến trang 39 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng này.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh Huyền
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2013



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,
Me Tri, Tu Liem, Hanoi city
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600
Fax + 84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán riêng đính kèm của Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần ("Công ty") tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2013, được trình bày từ trang 4 đến 39. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính riêng không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính riêng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính riêng. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán: 12-02-212-n



Đàm Xuân Lâm

Chứng chỉ kiểm toán viên số N.0861/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2013

Lê Việt Hùng

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0296/KTV

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		495.242.791.082	438.556.830.616
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	88.088.650.012	83.362.011.887
Tiền	111		55.333.086.734	29.670.937.658
Các khoản tương đương tiền	112		32.755.563.278	53.691.074.229
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	4.496.700.000	3.089.700.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		4.582.500.000	3.089.700.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(85.800.000)	-
Các khoản phải thu	130	6	225.105.415.589	164.524.507.717
Phải thu khách hàng	131		206.439.921.511	153.440.216.133
Trả trước cho người bán	132		11.639.736.744	9.328.801.984
Các khoản phải thu khác	135		8.700.812.703	3.334.639.486
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(1.675.055.369)	(1.579.149.886)
Hàng tồn kho	140	7	150.879.372.102	169.922.504.932
Hàng tồn kho	141		156.199.525.541	175.345.462.986
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.320.153.439)	(5.422.958.054)
Tài sản ngắn hạn khác	150		26.672.653.379	17.658.106.080
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		721.986.369	297.720.575
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		23.530.268.908	14.120.402.042
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		1.375.610.090	1.170.867.706
Tài sản ngắn hạn khác	158		1.044.788.012	2.069.115.757
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 250 + 260)	200		229.123.708.909	214.666.888.787
Tài sản cố định	220		196.748.640.393	187.357.687.169
Tài sản cố định hữu hình	221	8	194.845.799.901	177.319.907.674
Nguyên giá	222		589.241.134.738	509.584.410.167
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(394.395.334.837)	(332.264.502.493)
Tài sản cố định vô hình	227	9	577.767.042	732.821.289
Nguyên giá	228		3.605.911.470	3.390.624.635
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.028.144.428)	(2.657.803.346)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	10	1.325.073.450	9.304.958.206
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	21.287.321.862	18.512.321.862
Đầu tư vào công ty con	251		1.097.321.862	1.097.321.862
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		9.700.000.000	9.700.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258		10.490.000.000	7.715.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		11.087.746.654	8.796.879.756
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	8.385.140.970	6.278.462.191
Tài sản dài hạn khác	262		2.702.605.684	2.518.417.565
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		724.366.499.991	653.223.719.403

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		581.886.960.336	521.267.149.040
Nợ ngắn hạn	310		501.551.675.366	418.659.855.898
Vay ngắn hạn	311	13	172.158.250.012	118.554.442.920
Phải trả người bán	312	14	153.497.100.690	130.688.383.146
Người mua trả tiền trước	313		10.912.398.949	6.124.176.594
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	5.432.782.074	2.472.993.558
Phải trả người lao động	315		130.452.907.689	121.506.358.280
Các khoản phải trả, phải nộp khác	317	16	12.266.582.413	21.549.192.657
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	318		16.831.653.539	17.764.308.743
Vay và nợ dài hạn	330		80.335.284.970	102.607.293.142
Phải trả dài hạn khác	331		22.901.109.465	36.314.568.311
Vay và nợ dài hạn	332	17	43.004.352.153	51.361.252.116
Dự phòng trợ cấp thôi việc	333	18	9.000.000.000	13.995.739.363
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	334		5.429.823.352	935.733.352
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		142.479.539.655	131.956.570.363
Vốn chủ sở hữu	410	19	142.479.539.655	131.573.923.108
Vốn cổ phần	411	20	80.000.000.000	80.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		170.000.000	170.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	413		-	695.849.383
Quỹ đầu tư phát triển	414	22	32.204.603.715	26.566.603.716
Quỹ dự phòng tài chính	415	22	8.166.215.432	5.175.215.432
Lợi nhuận chưa phân phối	416		21.938.720.508	18.966.254.577
Nguồn kinh phí sự nghiệp và các quỹ khác	430		-	382.647.255
Nguồn kinh phí sự nghiệp	432		-	382.647.255
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		724.366.499.991	653.223.719.403

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 02 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
Tổng doanh thu	01	23	1.489.756.579.992	1.458.440.474.269
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	644.602.214	215.374.809
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		1.489.111.977.778	1.458.225.099.460
Giá vốn hàng bán	11		1.227.968.500.845	1.204.310.614.016
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		261.143.476.933	253.914.485.444
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	6.375.221.043	40.957.855.613
Chi phí tài chính	22	25	9.958.307.312	47.039.130.721
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		9.114.295.514	15.383.102.893
Chi phí bán hàng	24		98.788.605.034	101.549.960.827
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		125.033.115.447	116.419.000.636
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		33.738.670.183	29.864.248.873
Thu nhập khác	31	26	8.180.962.828	7.321.293.492
Chi phí khác	32	27	4.797.763.804	5.667.863.065
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		3.383.199.024	1.653.430.427
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		37.121.869.207	31.517.679.300
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	4.237.403.276	811.059.121
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		32.884.465.931	30.706.620.179

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập:



Phạm Bích Hồng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Thị Thanh Huyền
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		37.121.869.207	31.517.679.300
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		75.208.177.006	62.316.265.018
Các khoản dự phòng	03		163.090.200	1.319.844.851
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(434.388.617)	2.603.110.116
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(8.752.409.568)	(5.806.903.522)
Chi phí lãi vay	06		9.114.295.514	15.383.102.893
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		112.420.633.742	107.333.098.656
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(68.262.189.881)	30.276.208.909
Biến động hàng tồn kho	10		19.145.937.445	(27.551.188.217)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		26.404.197.237	67.078.886.454
Biến động chi phí trả trước	12		(179.706.209)	2.121.164.258
			89.528.872.334	179.258.170.060
Tiền lãi vay đã trả	13		(9.114.295.514)	(15.276.852.195)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(1.777.597.399)	(2.687.566.191)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		5.089.570.200	10.975.758.502
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(18.283.612.023)	(14.887.889.309)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		65.442.937.598	157.381.620.867
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(88.275.158.954)	(135.648.681.629)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		6.158.949.651	310.735.454
Gửi tiết kiệm	23		(1.550.000.000)	-
Tiền chi đầu tư vào các công ty khác	24		(3.975.000.000)	(2.800.000.000)
Tiền thu từ việc thu hồi các khoản đầu tư khác	25		1.257.200.000	2.100.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	26		3.428.686.641	3.831.380.792
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(82.955.322.662)	(132.206.565.383)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		471.585.294.314	530.348.788.445
Tiền thu từ phát hành trái phiếu chuyển đổi	33		20.000.000.000	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(446.211.100.174)	(516.356.020.909)
Tiền trả cổ tức	36		(23.106.242.125)	(8.945.780.426)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		22.267.952.015	5.046.987.110
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		4.755.566.951	30.222.042.594
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		83.362.011.887	53.123.191.558
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(28.928.826)	16.777.735
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	88.088.650.012	83.362.011.887

Ngày 31 tháng 3 năm 2013

Người lập:



Phạm Bích Hồng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Thị Thanh Huyền
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần (“Tổng công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Tổng công ty là:

- Sản xuất quần áo và các phụ liệu của ngành may mặc;
- Kinh doanh các mặt hàng thủ công mỹ nghệ, thực phẩm và các mặt hàng tiêu dùng khác;
- Kinh doanh bất động sản, văn phòng và nhà cho công nhân thuê;
- Đào tạo nghề;
- Cung cấp chương trình giáo dục mầm non và chăm sóc nuôi dạy trẻ;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp;
- Sản xuất và kinh doanh các loại nguyên liệu, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu và hóa chất cho ngành may mặc;
- Kinh doanh các mặt hàng tiêu dùng thuộc lĩnh vực siêu thị; và
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tổng công ty có 6.586 nhân viên (31/12/2011: 6.843 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tổng công ty áp dụng Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 về ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái. Thông tư này hướng dẫn ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu. Các chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ được ghi đảo để xóa sổ vào đầu kỳ sau;
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; và
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc thanh toán các tài sản và công nợ tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Kể từ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tổng công ty thay đổi chính sách kế toán về ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phi hồi tố theo Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái tại doanh nghiệp. Theo chính sách kế toán mới, tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chúng phát sinh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Handwritten signature or mark in blue ink.

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phân ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tổng công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 - 7 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 - 10 năm
▪ thiết bị quản lý	1,5 - 5 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(ii) Công nghệ sản xuất veston

Giá mua công nghệ sản xuất veston được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Công nghệ sản xuất veston được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 42 tháng.

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ, dụng cụ

Công cụ, dụng cụ được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ vào kết quả kinh doanh trong vòng 18 tháng.

(ii) Chi phí thuê trả trước

Chi phí thuê trả trước được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ vào kết quả kinh doanh trong vòng 24 đến 64 tháng.

(iii) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác bao gồm các chi phí như chi phí tư vấn xây dựng nhà máy Dương Xá và chi phí nâng cấp, được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ vào kết quả kinh doanh trong vòng 18 tháng.

(j) Phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho công ty.

04

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tổng công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tổng công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

(l) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tổng công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tổng công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tổng công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tổng công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tổng công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tổng công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tổng công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Tổng công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tổng công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(iii) Dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền mặt	1.387.936.593	1.505.730.899
Tiền gửi ngân hàng	53.945.150.141	28.165.206.759
Các khoản tương đương tiền	32.755.563.278	53.691.074.229
	88.088.650.012	83.362.011.887

5. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn:		
▪ Cổ phiếu	132.500.000	189.700.000
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	4.450.000.000	2.900.000.000
	4.582.500.000	3.089.700.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	(85.800.000)	-
	4.496.700.000	3.089.700.000

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

6. Các khoản phải thu

Trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các bên liên quan sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Phải thu từ các công ty liên quan		
Thương mại	11.480.160.523	7.874.298.028
Phi thương mại	-	1.187.916.673

7. Hàng tồn kho

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Hàng mua đang đi trên đường	28.301.090.046	10.452.322.942
Nguyên vật liệu	42.624.242.879	49.633.954.044
Công cụ và dụng cụ	1.465.071.261	1.043.051.177
Sản phẩm dở dang	33.716.196.260	46.761.332.600
Thành phẩm	17.853.876.279	26.450.441.754
Hàng hóa	17.647.217.925	22.996.614.123
Hàng gửi đi bán	14.591.830.891	18.007.746.346
	156.199.525.541	175.345.462.986
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5.320.153.439)	(5.422.958.054)
	150.879.372.102	169.922.504.932

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho là như sau:

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	5.422.958.054	5.924.624.658
Tăng dự phòng trong năm	1.857.952.005	1.309.144.114
Hoàn nhập	(1.960.756.620)	(1.810.810.718)
Số dư cuối năm	5.320.153.439	5.422.958.054

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 thành phẩm với giá trị ghi sổ là 8.045 triệu VND (31/12/2011: 10.105 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	141.922.071.123	322.645.147.506	18.043.800.315	26.973.391.223	509.584.410.167
Tăng trong năm	10.108.304.330	55.527.185.865	5.372.582.718	4.635.192.014	75.643.264.927
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	13.434.539.205	1.182.394.545	-	3.330.669.834	17.947.603.584
Thanh lý	(1.987.238.273)	(8.931.326.576)	(2.198.313.000)	(425.352.455)	(13.542.230.304)
Biến động khác	-	(98.175.000)	-	(293.738.636)	(391.913.636)
Số dư cuối năm	163.477.676.385	370.325.226.340	21.218.070.033	34.220.161.980	589.241.134.738
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	63.228.103.173	239.751.579.297	8.043.092.592	21.241.727.431	332.264.502.493
Khấu hao trong năm	13.855.093.881	51.543.016.981	4.575.650.220	4.840.727.931	74.814.489.013
Thanh lý	(1.745.039.409)	(8.338.298.716)	(2.198.313.000)	(425.352.455)	(12.707.003.580)
Biến động khác	145.441.513	(85.602.714)	-	(36.491.888)	23.346.911
Số dư cuối năm	75.483.599.158	282.870.694.848	10.420.429.812	25.620.611.019	394.395.334.837
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	78.693.967.950	82.893.568.209	10.000.707.723	5.731.663.792	177.319.907.674
Số dư cuối năm	87.994.077.227	87.454.531.492	10.797.640.221	8.599.550.961	194.845.799.901

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 có các tài sản có nguyên giá 223.521 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2011: 226.190 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 28.878 triệu VND (31/12/2011: 34.817 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng công ty.

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND	Công nghệ sản xuất veston VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	2.692.626.987	697.997.648	3.390.624.635
Tăng trong năm	294.136.835	-	294.136.835
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	18.800.000	-	18.800.000
Biến động khác	(97.650.000)	-	(97.650.000)
Số dư cuối năm	2.907.913.822	697.997.648	3.605.911.470
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	2.073.878.431	583.924.915	2.657.803.346
Khấu hao trong năm	327.022.110	66.665.883	393.687.993
Biến động khác	(23.346.911)	-	(23.346.911)
Số dư cuối năm	2.377.553.630	650.590.798	3.028.144.428
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	618.748.556	114.072.733	732.821.289
Số dư cuối năm	530.360.192	47.406.850	577.767.042

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 có các tài sản với nguyên giá 2.504 triệu VND đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2011: 2.513 triệu VND).

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	2012	2011
	VND	VND
Số dư đầu năm	9.304.958.206	764.319.605
Tăng trong năm	12.337.757.192	56.590.062.820
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(17.947.603.584)	(46.659.922.490)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(18.800.000)	(144.609.000)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(2.351.238.364)	(1.244.892.729)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	1.325.073.450	9.304.958.206
	<hr/>	<hr/>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Dự án cao đẳng Long Biên	656.578.636	656.578.636
Xây tường gôm cho Veston Hưng Hà	38.540.269	6.736.561.388
Nhà ăn của Tổng công ty	-	1.911.818.182
Lắp đặt thang máy cho Tổng công ty	555.454.545	-
Phần mềm quản lý nhân sự	74.500.000	-
	<hr/>	<hr/>
	1.325.073.450	9.304.958.206
	<hr/>	<hr/>

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

11. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2012				31/12/2011			
	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	VND	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	VND
Đầu tư tài chính dài hạn tại:								
▪ Công ty con								
• Công ty TNHH May Phù Đổng	-	60,97%	60,97%	1.097.321.862	-	60,97%	60,97%	1.097.321.862
▪ Công ty liên kết								
• Công ty TNHH Thiệu Đô	-	26%	26%	5.200.000.000	-	26%	26%	5.200.000.000
• Công ty Cổ phần Đông Bình	450.000	25%	25%	4.500.000.000	450.000	25%	25%	4.500.000.000
				9.700.000.000				9.700.000.000
▪ Công ty khác								
• Công ty Cổ phần Bất động sản Dệt may Việt Nam	348.000	1,2%	1,2%	3.480.000.000	348.000	1,2%	1,2%	3.480.000.000
• Công ty TNHH H.N.P	-	15%	15%	1.500.000.000	-	15%	15%	1.500.000.000
• Công ty TNHH G.M.I	-	7,72%	7,72%	525.000.000	-	7,72%	7,72%	525.000.000
• Công ty Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Việt Nam	-	10%	10%	1.010.000.000	-	10%	10%	1.010.000.000
• Công ty Cổ phần May Sơn Động	-	-	-	-	120.000	12%	12%	1.200.000.000
• Công ty TNHH 888	-	11%	11%	3.975.000.000	-	-	-	-
				10.490.000.000				7.715.000.000
				21.287.321.862				18.512.321.862

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí thuê trả trước VND	Chi phí trả trước khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	2.287.607.840	2.071.939.939	1.918.914.412	6.278.462.191
Tăng trong năm	4.897.163.342	1.720.460.000	2.531.734.495	9.149.357.837
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	157.769.701	-	2.193.468.663	2.351.238.364
Phân loại lại	1.213.465.601	-	(1.213.465.601)	-
Phân bổ trong năm	(3.463.233.962)	(2.268.716.796)	(3.661.966.664)	(9.393.917.422)
Số dư cuối năm	5.092.772.522	1.523.683.143	1.768.685.305	8.385.140.970

13. Vay ngắn hạn

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay ngắn hạn	166.121.900.012	97.655.017.040
Vay dài hạn đến hạn trả (thuyết minh 17)	6.036.350.000	20.899.425.880
	172.158.250.012	118.554.442.920

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	USD	2,5% - 5,5%	166.121.900.012	36.849.745.925
Khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	USD	4,5% - 5,5%	-	60.805.271.115
			166.121.900.012	97.655.017.040

Handwritten signature

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

14. Phải trả người bán

Trong phải trả người bán có các khoản phải trả các công ty liên quan như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải trả các công ty liên quan	6.582.215.579	26.455.414.718

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 30 đến 120 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	2.093.556.477	220.269.663
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.622.300.100	333.361.929
Thuế thu nhập cá nhân	1.157.895.070	1.490.889.534
Tiền thuê nhà thầu	80.409.327	366.707.232
Các loại thuế khác	478.621.100	61.765.200
	5.432.782.074	2.472.993.558

16. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	2.288.654.092	3.828.553.961
Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	82.850.160	-
Cổ tức phải trả	6.144.761.529	14.851.003.654
Phải trả công nhân viên	-	416.589.404
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.750.316.632	2.453.045.638
	12.266.582.413	21.549.192.657

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

17. Vay dài hạn

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay dài hạn	29.040.702.153	72.260.677.996
Trái phiếu dài hạn đã phát hành (c)	20.000.000.000	-
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (thuyết minh 13)	(6.036.350.000)	(20.899.425.880)
	<hr/>	<hr/>
Hoàn trả sau 12 tháng	43.004.352.153	51.361.252.116
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay từ UBND Tỉnh Quảng Bình (a)	VND	0%	2017	9.702.887.544	9.702.887.544
Vay từ ngân hàng Vietcombank (b)	USD	5,2%	2016	19.337.814.609	19.050.344.362
Vay từ ngân hàng Vietcombank (b)	VND	14% - 18,5%	-	-	43.507.446.090
				<hr/>	<hr/>
				29.040.702.153	72.260.677.996
				<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

- (a) Khoản vay từ UBND Tỉnh Quảng Bình không được đảm bảo.
- (b) Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 28.878 triệu VND (31/12/2011: 34.817 triệu VND) (Thuyết minh 8).
- (c) Ngày 17 tháng 9 năm 2012, Tổng công ty phát hành 200.000 trái phiếu chuyển đổi mệnh giá 100.000 VND với thời hạn hai năm và sẽ đáo hạn vào ngày 17 tháng 9 năm 2014. Số trái phiếu này chịu lãi suất 4% một năm và, vào ngày đáo hạn, sẽ được chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông với tỷ lệ 1 trái phiếu tương ứng với 10 cổ phiếu.

18. Dự phòng trợ cấp thôi việc

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	13.995.739.363	14.602.499.841
Dự phòng lập trong năm	-	1.812.923.464
Dự phòng sử dụng trong năm	(4.995.739.363)	(2.419.683.942)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	9.000.000.000	13.995.739.363
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND	Nguồn kinh phí sự nghiệp VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	80.000.000.000	170.000.000	189.862.412	22.176.447.883	4.140.933.877	14.131.846.351	120.809.090.523	103.676.595	120.912.767.118
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	-	505.986.971	-	-	-	505.986.971	-	505.986.971
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	30.706.620.179	30.706.620.179	-	30.706.620.179
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	4.390.155.833	1.034.281.555	(5.424.437.388)	-	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(6.348.693.695)	(6.348.693.695)	-	(6.348.693.695)
Cổ tức (thuyết minh 21)	-	-	-	-	-	(14.400.000.000)	(14.400.000.000)	-	(14.400.000.000)
Nguồn vốn nhận được từ Ngân sách	-	-	-	-	-	-	-	8.191.006.000	8.191.006.000
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	(7.912.035.340)	(7.912.035.340)
Biến động khác	-	-	-	-	-	300.919.130	300.919.130	-	300.919.130
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	80.000.000.000	170.000.000	695.849.383	26.566.603.716	5.175.215.432	18.966.254.577	131.573.923.108	382.647.255	131.956.570.363
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	-	(695.849.383)	-	-	-	(695.849.383)	-	(695.849.383)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	32.884.465.931	32.884.465.931	-	32.884.465.931
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	5.637.999.999	2.991.000.000	(8.628.999.999)	-	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(6.883.000.001)	(6.883.000.001)	-	(6.883.000.001)
Cổ tức (thuyết minh 21)	-	-	-	-	-	(14.400.000.000)	(14.400.000.000)	-	(14.400.000.000)
Nguồn vốn nhận được từ Ngân sách	-	-	-	-	-	-	-	5.089.570.200	5.089.570.200
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	(5.472.217.455)	(5.472.217.455)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	80.000.000.000	170.000.000	-	32.204.603.715	8.166.215.432	21.938.720.508	142.479.539.655	-	142.479.539.655

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng công ty là:

	31/12/2012		31/12/2011	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	8.000.000	80.000.000.000	8.000.000	80.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	80.000.000.000	8.000.000	80.000.000.000
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	80.000.000.000	8.000.000	80.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng công ty.

21. Cổ tức

Ngày 21 tháng 12 năm 2012, Hội đồng Quản trị của Tổng công ty đã quyết định chia cổ tức cho năm 2012 số tiền là 14.400.000.000 VND.

Ngày 1 tháng 12 năm 2011, Hội đồng Quản trị của Tổng công ty đã quyết định chia cổ tức cho năm 2011 số tiền là 14.400.000.000 VND.

22. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Theo biên bản cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông ngày 28 tháng 4 năm 2012, Tổng công ty đã trích lập 5.637.999.999 VND từ lợi nhuận thuần sau thuế năm 2011 vào Quỹ Đầu tư Phát triển trong phần vốn chủ sở hữu. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(b) Quỹ dự phòng tài chính

Theo biên bản cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông ngày 28 tháng 4 năm 2012, Tổng công ty đã trích lập 2.991.000.000 VND từ lợi nhuận thuần sau thuế năm 2011 vào Quỹ dự phòng tài chính trong phần vốn chủ sở hữu.

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

23. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2012 VND	2011 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	963.871.629.243	980.200.852.030
▪ Cung cấp dịch vụ	525.884.950.749	478.239.622.239
	1.489.756.579.992	1.458.440.474.269
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(644.602.214)	(215.374.809)
	1.489.111.977.778	1.458.225.099.460

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	2012 VND	2011 VND
Lãi tiền gửi	2.468.773.572	3.831.380.792
Cổ tức được chia	959.913.069	1.664.787.276
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.455.833.284	35.294.507.021
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	434.388.617	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	56.312.501	167.180.524
	6.375.221.043	40.957.855.613

25. Chi phí tài chính

	2012 VND	2011 VND
Chi phí lãi vay	9.114.295.514	15.383.102.893
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	688.998.637	29.039.298.160
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	2.603.110.116
Chi phí hoạt động tài chính khác	155.013.161	13.619.552
	9.958.307.312	47.039.130.721

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

26. Thu nhập khác

	2012 VND	2011 VND
Cho thuê tài sản cố định	-	4.783.016.408
Thu do thanh lý tài sản cố định	6.158.949.651	310.735.454
Tiền bồi thường nhận được từ các đơn vị khác	5.000.000	6.409.778
Thu nhập khác	2.017.013.177	2.221.131.852
	8.180.962.828	7.321.293.492

27. Chi phí khác

	2012 VND	2011 VND
Chi phí khấu hao của tài sản cố định cho thuê	-	4.210.892.336
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	835.226.724	-
Chi phí khác	3.962.537.080	1.456.970.729
	4.797.763.804	5.667.863.065

28. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2012 VND	2011 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	4.068.524.068	982.825.490
Dự phòng thiếu/(thừa) trong những năm trước	168.879.208	(171.766.369)
Chi phí thuế thu nhập	4.237.403.276	811.059.121

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận trước thuế	37.121.869.207	31.517.679.300
Thuế tính theo thuế suất của Tổng công ty	9.280.467.302	7.879.419.825
Ưu đãi thuế	(589.931.182)	(2.992.891.219)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác nhau áp dụng cho công ty phụ thuộc	(786.574.909)	(1.428.693.980)
Chi phí không được khấu trừ thuế	405.155.981	1.047.265.168
Thu nhập không bị tính thuế	(239.978.267)	(416.196.819)
Miễn, giảm thuế	(5.199.739.235)	(2.501.156.499)
Thay đổi trong chênh lệch tạm thời chưa ghi nhận tài sản thuế hoãn lại	1.199.124.378	(604.920.986)
Dự phòng thiếu/(thừa) trong những năm trước	168.879.208	(171.766.369)
	4.237.403.276	811.059.121

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với khoản mục sau:

	31/12/2012		31/12/2011	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Dự phòng trợ cấp thời việc	9.000.000.000	2.250.000.000	4.203.502.490	1.050.875.622

(d) Thuế suất áp dụng

Tổng công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế.

Các công ty con của Tổng công ty được hưởng các ưu đãi thuế và phải nộp thuế theo mức thuế suất giống như công ty mẹ ngoại trừ Xí nghiệp May Hà Quảng nộp thuế theo mức thuế suất 15%. Xí nghiệp May Hà Quảng được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (2006 - 2009) và được giảm 50% thuế thu nhập cho 9 năm tiếp theo (2010 - 2018).

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

29. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Các loại rủi ro mà Tổng công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tổng công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tổng công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Tổng công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tổng công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tổng công ty gặp phải.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tổng công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền (không bao gồm tiền mặt)	(i)	86.700.713.419	81.856.280.988
Tiền gửi có kỳ hạn	(i)	4.450.000.000	2.900.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(ii)	215.140.734.214	156.774.855.619
		<hr/>	<hr/>
		306.291.447.633	241.531.136.607

(i) Tiền, các khoản tương đương tiền (không bao gồm tiền mặt) và tiền gửi có kỳ hạn

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn của Tổng công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tổng công ty.

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(ii) Phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Tổng công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Tổng công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tổng công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng từ 30 đến 60 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Tổng công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Tổng công ty. Ban Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tuổi nợ của các khoản phải thu thương mại và phải thu khác đã quá hạn nhưng không giảm giá tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	2.953.592.716	645.875.447

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	2012	2011
	VND	VND
Số dư đầu năm	1.579.149.886	1.783.367.026
Tăng dự phòng trong năm	180.094.815	8.587.991
Sử dụng dự phòng trong năm	(84.189.332)	(212.805.131)
Số dư cuối năm	1.675.055.369	1.579.149.886

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tổng công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tổng công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tổng công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tổng công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

31/12/2012

	Giá trị ghi sổ Nghìn VND	Dòng tiền theo hợp đồng Nghìn VND	Trong vòng 1 năm Nghìn VND	1 – 2 năm Nghìn VND	2 – 5 năm Nghìn VND
Vay ngắn hạn	166.121.900	167.460.164	167.460.164	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	165.763.683	165.763.683	165.763.683	-	-
Vay dài hạn	49.040.702	53.094.211	1.805.566	32.636.126	18.652.519
	380.926.285	386.318.058	335.029.413	32.636.126	18.652.519

31/12/2011

	Giá trị ghi sổ Nghìn VND	Dòng tiền theo hợp đồng Nghìn VND	Trong vòng 1 năm Nghìn VND	1 – 2 năm Nghìn VND	2 – 5 năm Nghìn VND	Hơn 5 năm Nghìn VND
Vay ngắn hạn	97.655.017	98.875.705	98.875.705	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	152.237.576	152.237.576	152.237.576	-	-	-
Vay dài hạn	72.260.678	90.771.154	30.255.269	25.556.381	31.725.208	3.234.296
	322.153.271	341.884.435	281.368.550	25.556.381	31.725.208	3.234.296

Tổng công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tổng công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tổng công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Tổng công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua bằng đơn vị tiền tệ không phải là VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng công ty. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (“USD”).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Tổng công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và năm 2011, Tổng công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuận chịu ảnh hưởng của rủi ro hối đoái như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	USD	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.327.481	590.033
Phải thu khách hàng	8.718.001	6.630.876
Tài sản dài hạn khác	-	87.835
Vay ngắn hạn	(8.270.706)	(4.688.641)
Phải trả người bán	(3.650.990)	(3.611.200)
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	(45.510)
Vay dài hạn	(639.033)	(1.071.851)
	<hr/>	<hr/>
	(1.515.247)	(2.108.458)
	<hr/>	<hr/>

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Tổng công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2012	31/12/2011
VND/1 USD	20.815	20.828
	<hr/>	<hr/>

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Tổng công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động quá khứ trong năm 2012. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

**Ảnh hưởng đối với
lợi nhuận thuần
VND**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
 USD (3% mạnh lên so với VND) (709.646.992)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
 USD (8% mạnh lên so với VND) (2.634.897.793)

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Tổng công ty.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tổng công ty có vay ngắn hạn trị giá 166.322.896.443 VND và vay dài hạn trị giá 19.337.814.609 VND chịu lãi suất thả nổi.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tổng công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tài sản tài chính	91.283.213.419	84.756.280.988
Nợ phải trả tài chính	(29.702.887.544)	(9.702.887.544)
	<hr/>	<hr/>
	61.580.325.875	75.053.393.444
	<hr/>	<hr/>
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Nợ phải trả tài chính	(19.337.814.609)	(62.557.790.452)
	<hr/>	<hr/>

(iii) Các rủi ro thị trường khác

Rủi ro giá cổ phiếu phát sinh từ chứng khoán vốn sẵn sàng để bán do Tổng công ty nắm giữ. Tổng công ty theo dõi các chứng khoán vốn trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư được quản lý riêng rẽ và Ban Tổng giám đốc phê duyệt tất cả các quyết định mua và bán.

py

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(e) Giá trị hợp lý

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2012		31/12/2011	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
- Các khoản đầu tư ngắn hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu nắm giữ để kinh doanh	132.500.000	46.700.000	189.700.000	189.700.000
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	88.088.650.012	88.088.650.012	83.362.011.887	83.362.011.887
- Tiền gửi có kỳ hạn	4.450.000.000	4.450.000.000	2.900.000.000	2.900.000.000
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	215.140.734.214	215.140.734.214	156.774.855.619	156.774.855.619
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Vay ngắn hạn	(166.121.900.012)	(166.121.900.012)	(97.655.017.040)	(97.655.017.040)
- Phải trả người bán và phải trả khác	(165.763.683.103)	(165.763.683.103)	(152.237.575.803)	(152.237.575.803)
- Vay dài hạn	(29.702.887.544)	(*)	(72.260.677.996)	(*)
- Trái phiếu chuyển đổi	(20.000.000.000)	(*)	-	-
	(73.776.586.433)	(*)	(78.926.703.333)	(*)

(*) Tổng công ty chưa xác định giá trị hợp lý của vay dài hạn và trái phiếu chuyển đổi để thuyết minh thông tin theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính bởi vì (i) không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này, và (ii) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn chủ sở hữu

Giá trị hợp lý của chứng khoán vốn chủ sở hữu được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa được niêm yết tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Phải thu khách hàng và phải thu khác và nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn

Giá trị hợp lý của phải thu khách hàng, phải thu khác và nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các công cụ tài chính này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

ng

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Tổng công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2012 VND	2011 VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Chia cổ tức	5.326.776.000	5.326.776.000
Mua nguyên vật liệu	242.450.193	189.772.728
Bán hàng hóa	365.784.550	-
Công ty TNHH May Phù Đồng		
Mua hàng hóa và dịch vụ	13.201.327.811	12.807.374.560
Cổ tức được chia	374.913.069	485.733.920
Công ty Cổ phần Thiệu Đô		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	898.816.717	629.569.312
Mua hàng hóa và dịch vụ	22.206.184.146	20.170.439.288
Công ty Nhuộm và hoàn tất vải		
Mua hàng hóa	-	1.399.218.500
Công ty Xuất nhập khẩu Dệt may		
Mua hàng hóa	14.480.313.036	4.897.009.676
Chi nhánh Tập đoàn Dệt may Việt Nam – Xí nghiệp SXKD Veston Hải Phòng		
Mua hàng gia công	67.967.517.395	64.528.536.252
Cho thuê máy móc thiết bị	4.888.928.511	5.734.280.899
Công ty Cổ phần Đông Bình		
Mua hàng gia công	459.930.769	10.454.740.318
Bán nguyên vật liệu	4.739.516.109	524.734.251
Thành viên Ban Kiểm soát		
Lương và thưởng	88.800.000	83.800.000

my

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

31. Cam kết

(a) Chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 Tổng công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	43.201.904.212	19.892.069.157
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	5.098.220.400	49.177.986.769
	<hr/>	<hr/>
	48.300.124.612	69.070.055.926
	<hr/>	<hr/>

(b) Hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Trong vòng một năm	12.331.654.536	12.610.843.967
Trong vòng hai đến năm năm	27.436.448.680	27.761.788.043
Sau năm năm	120.916.050.889	80.668.111.950
	<hr/>	<hr/>
	160.684.154.105	121.040.743.960
	<hr/>	<hr/>

Handwritten signature

Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2012 VND	2011 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	601.239.231.549	698.655.165.411
Chi phí nhân công	401.110.306.036	347.484.938.531
Chi phí khấu hao	75.208.177.006	62.316.265.018
Chi phí dịch vụ mua ngoài	137.108.335.617	209.922.992.363
Chi phí khác	50.246.603.829	47.314.037.216

Ngày 31 tháng 3 năm 2013

Người lập:

Phạm Bích Hồng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Thị Thanh Huyền
Tổng Giám đốc